

Bản án số: 158/2018/HS-ST.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đặng Mỹ Hạnh;

2/ Bà Cao Kim Triều.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Thế Vinh - Thư ký Tòa án Nhân dân Quận 1.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Yến Như- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 133/2018/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 749/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Huỳnh Phương L; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 16 tháng 5 năm 1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: Số 1 đường 2, Phường 3, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh; Cư trú: Số 5, tổ 6, khu phố 7, phường 8, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nhân viên tạp vụ; Trình độ văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Phương L; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

-*Người bị hại:* Bà Nguyễn Thị Hoài T; Sinh năm: 1977; Hộ khẩu thường trú: 280 đường X, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Bà T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, bà Nguyễn Thị Hoài T đến thuê phòng số 501 tại khách sạn Hoàng Dũng, số 86 đường Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để ở. Khoảng 08 giờ, ngày 08 tháng 7 năm 2018, bà T để 2.700 đô la Úc trong cái ví màu vàng ở trong cái va li

màu đen trong tủ quần áo rồi đi ra ngoài. Trước khi đi, bà T giao chìa khoá phòng cho ông Nguyễn Thanh Lam (là lễ tân khách sạn) và yêu cầu dọn dẹp phòng. Khoảng 09 giờ 50 phút cùng ngày, ông Lam đưa chìa khoá phòng cho Nguyễn Huỳnh Phương L để L lên dọn dẹp phòng cho bà T. Khi đang dọn phòng, L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên đã mở tủ quần áo, lục soát va li và lấy số tiền 1.000 đô la Úc trong chiếc ví màu vàng rồi bỏ vào túi rác màu xanh cầm ra khỏi phòng bà T, sau đó L lấy số tiền trộm cắp được bỏ vào chiếc túi vải màu đỏ của L rồi đem chiếc túi đi cất. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, L điện thoại cho chồng là ông Huỳnh Nhứt T đến đón L về, khi chồng đến L đưa chiếc túi vải màu đỏ cho chồng và kêu chồng đi đổi sang tiền Việt Nam. Ông T đem số tiền trên đến điểm thu đổi ngoại tệ tại số 135 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1 đổi được 16.982.000 đồng. Sau khi đổi xong, T quay lại đón L và hỏi L nguồn gốc số tiền thì L nói là của khách cho. Sau khi lấy được số tiền, L tiêu xài cá nhân còn lại 5.000.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ, ngày 08 tháng 7 năm 2018, bà T về phòng phát hiện mất số tiền là 1.000 đô la Úc nên đến Công an phường Bến Nghé trình báo. Qua quá trình điều tra, Công an mời L lên làm việc và L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với biên bản thực nghiệm hiện trường, biên bản đối chất và hình ảnh camera ghi được. Đồng thời, L giao nộp số tiền 5.000.000 đồng còn lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 1. Qua xác minh, điểm thu đổi ngoại tệ số 135 đường Đồng Khởi xác nhận ngày 08 tháng 7 năm 2018 có nhận đổi 1.000 đô la Úc và giao nộp phiếu đổi ngoại tệ cho công an, phiếu này phù hợp với phiếu đổi ngoại tệ do ông T giao nộp, có chữ ký xác nhận của ông T. Sau khi xảy ra sự việc, L đã giao nộp thêm số tiền là 8.000.000 đồng để trả cho bà T, bà T đã làm đơn bãi nại cho L và không yêu cầu L bồi thường gì thêm. Đối với ông T, do không biết việc L trộm cắp tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 1 không xử lý ông T.

Vật chứng của vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 1 đang tạm giữ: 01 áo thun nữ tay ngắn màu xám, 01 quần thun ngắn màu sọc đen trắng; 01 điện thoại di động hiệu Mi-2, số máy 86600103687340 của L; 01 USB ghi hình L thực hiện hành vi trộm cắp (lưu hồ sơ).

Tại Cáo trạng số: 138/CT-VKSQ1 ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Nguyễn Huỳnh Phương L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo L như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo L mức án từ 09 tháng đến 12 tháng năm tù; Trả cho bị cáo L 01 điện thoại di động hiệu Mi-2 vì không liên quan đến vụ án; Tiêu hủy 01 áo thun nữ, 01 quần thun ngắn thu giữ của bị cáo L vì không còn giá trị sử dụng; Về trách nhiệm dân sự đối với bà T, do bà T đã nhận lại tiền và làm đơn bãi nại cho bị cáo L nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 1, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu và khai nhận khoảng 09 giờ 50 phút, ngày 08 tháng 7 năm 2018, bị cáo được yêu cầu dọn dẹp phòng số 501- Khách sạn Hoàng Dũng (nơi bà T lưu trú), trong khi dọn dẹp do đang cần tiền để trang trải sinh hoạt phí cho gia đình nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, bị cáo đã lục soát đồ đạc của bà T và lấy trộm số tiền 1.000 đô la Úc trong chiếc ví màu vàng để trong va li màu đen của bà T. Sau khi trộm được, bị cáo đem cất giấu trong túi vải của bị cáo, khi chồng (ông T) đến đón về thì bị cáo đưa chiếc túi cho chồng và bảo chồng đi đổi số tiền trong túi thành tiền Việt Nam, ông T đổi số tiền 1.000 đô la Úc được 16.982.000 đồng rồi quay lại khách sạn đón bị cáo. Ông T hỏi bị cáo về nguồn gốc số tiền, bị cáo nói với chồng tiền là của khách cho và bị cáo dùng tiền này tiêu xài cho đến khi bị tạm giữ thì còn lại 5.000.000 đồng. Sau khi xảy ra sự việc, gia đình bị cáo đã nộp thêm 8.000.000 đồng trả cho bà T và bà T đã làm đơn bãi nại cho bị cáo và không yêu cầu gì.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo L: Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; tang vật thu giữ và các tài liệu khác mà cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Huỳnh Phương L đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình.

[4] Xét hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội vì động cơ vụ lợi kiếm tiền tiêu xài cá nhân mà xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ cũng như xâm hại đến an ninh trật tự xã hội. Như vậy, cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, phù hợp với quy định của pháp luật, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm minh nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo L: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, bị cáo có 06 con, con nhỏ nhất sinh năm 2014, bị cáo chưa có tiền án-tiền sự, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Xét vật chứng của vụ án: 01 USB ghi hình Bị cáo L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ. Tiêu hủy 01 áo thun nữ tay ngắn, 01 quần thun ngắn vì không còn giá trị sử dụng. Trả cho bị cáo một điện thoại di động hiệu Mi-2: 86600103687340 vì không phải là công vụ, phương tiện phạm tội nên không liên quan đến vụ án.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Phương phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[8] Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Huỳnh Phương L đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huỳnh Phương L 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 áo thun nữ tay ngắn, 01 quần thun ngắn; Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Mi-2 số imei 1: 86600103687340, số imei 2: 866001038687357, theo Phiếu nhập kho vật chứng số 22/PNK ngày 03 tháng 9 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Bị cáo L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án; Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Sở tư pháp TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.1;
- Công an Q.1;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Mỹ Nhung